

Số: 880/QĐ-CĐSPTW-ĐBCL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả học tập
Trình độ Cao đẳng – Hệ vừa làm vừa học - Năm học 2025 – 2026**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM
TRUNG ƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ ngày 25/9/1976 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục về việc thành lập Trường Sư phạm Mẫu giáo Trung ương 3;

Căn cứ Quyết định số 2064/QĐ-BGDĐT ngày 25/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên Trường Cao đẳng Sư phạm mẫu giáo Trung ương 3 thành Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Cao đẳng sư phạm;

Căn cứ Thông tư số 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-CĐSPTW-ĐTKH ngày 08/09/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy ngành Giáo dục Mầm non theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-CĐSPTW-ĐBCL ngày 15/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-CĐSPTW-ĐT ngày 31/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ vào hồ sơ đề nghị xét và công nhận kết quả học tập của sinh viên;

Theo kết luận họp Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trình độ cao đẳng, ngành Giáo dục Mầm non, hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học; năm học 2025-2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả học tập của các học phần cho 30 sinh viên ngành

Giáo dục Mầm non, trình độ cao đẳng, hệ VLVH (danh sách, học phần đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng phòng KT,TT&ĐBCL, Phòng Đào tạo, Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Phòng Công tác chính trị - Học sinh Sinh viên, Khoa liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐBCL.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 11 năm 2025

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ HỌC PHẦN
TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO - HỆ CAO ĐẲNG - HÌNH THỨC VLVH - NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số 880/QĐ-CĐSPTW-ĐBCL, ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP. Hồ Chí Minh)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa/ lớp	MSSV	Được công nhận và chuyển đổi tín chỉ HP	Số TC	Điểm học phần	Ghi chú
1	Lê Nguyễn Tường Vy	26/02/2006	K24D	401250382	Pháp luật đại cương	2	8.4	
					Tiếng Anh 1	3	6.6	
					Tiếng Anh 2, 3	4	8.1	
2	Đinh Ngọc Huyền Trâm	29/08/1996	K24C	401250320	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	7	
					Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)	2	8	
					Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông)	2	7	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	7	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	8	
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	8	
					Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	5	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa/ lớp	MSSV	Được công nhận và chuyển đổi tín chỉ HP	Số TC	Điểm học phần	Ghi chú
					Tiếng việt thực hành	2	5	
					Pháp luật đại cương	2	6	
					Tiếng Anh 1, 2, 3	7	10	Tốt nghiệp CN TA
3	Trần Ngọc Phương Ngân	08/01/1999	K24A	401250175	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		CC	
					Pháp luật đại cương	2	6.4	
					Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)	2	6	
					Tiếng Anh 1, 2	5	6.6	
					Tiếng Anh 3	2	8.5	
4	Lương Quỳnh Như	14/11/2003	K24	401250221	Pháp luật đại cương	2	7.5	
					Tiếng Anh 1, 2, 3	7	10	CN TA
					Tiếng việt thực hành	2	7.1	
					Tâm lý học đại cương	2	8.4	
5	Nguyễn Thị Hạnh Thúy	03/11/1990	K24C	401250304	Tiếng Anh 1, 2, 3	7	10	CN TA
					Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	8	
					Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	CC	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa/ lớp	MSSV	Được công nhận và chuyển đổi tín chỉ HP	Số TC	Điểm học phần	Ghi chú
6	Huỳnh Thị Tuyết Nhung	10/08/1998	K24D	401250234	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	6.5	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	7	
					Tâm lý học đại cương	2	8	
					Pháp luật đại cương	2	6.5	
					Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	7	
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	8.5	
					Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	7.5	
					Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)	2	10	
					Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông)	2	9	
7	Hồ Phương Thảo	02/12/2006	K24C	401250272	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	CC	
8	Trần Thụy Nhật Quỳnh	08/10/2003	K24D	401250263	Pháp luật đại cương	2	8.9	
					Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)	2	8.1	
					Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông)	2	9	
					Tiếng Anh 1	3	9.4	
					Tiếng Anh 2	2	9.1	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa/ lớp	MSSV	Được công nhận và chuyển đổi tín chỉ HP	Số TC	Điểm học phần	Ghi chú
					Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	CC	
9	Vũ Minh Anh	24/07/2003	K24C	401250020	Tiếng Anh 1	3	5.2	
					Tiếng Anh 2	2	6.2	
					Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	10	
					Pháp luật đại cương	2	6.6	
					Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)	2	7.8	
					Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông)	2	9.2	
10	Nguyễn Bạch Phi Nga	23/12/2003	K24C	401250157	Tiếng Anh 1	3	6.5	
					Tiếng Anh 2	2	6.1	
					Tiếng Anh 3	2	6.8	
					Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)	2	7.7	
					Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	7.3	
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	8.3	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	8.3	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	8.9	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa/ lớp	MSSV	Được công nhận và chuyển đổi tín chỉ HP	Số TC	Điểm học phần	Ghi chú
					Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	8.8	
					Pháp luật đại cương	3	7.2	
11	Khuong Kim Ngân	25/12/2003	K24C	401250162	Tiếng Anh 1	3	8.9	
					Tiếng Anh 2	2	7.9	
					Tiếng Anh 3	2	8.2	
					Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)	2	5	
					Pháp luật đại cương	2	8.2	
12	Ngô Khánh Xuân	04/07/2003	K24D	401250409	Pháp luật đại cương	2	7.9	
					Tiếng Anh 1	3	7.9	
					Tiếng Anh 2	2	6.8	
					Tiếng Anh 3	2	6.2	
					Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)	2	8.4	
					Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông)	2	8	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	7	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	6.5	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa/ lớp	MSSV	Được công nhận và chuyển đổi tín chỉ HP	Số TC	Điểm học phần	Ghi chú
13	Phan Thị Trà	Giang	K24A	401250057	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	CC	
					Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)	2	10	
					Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông)	2	9	
					Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	8	
					Pháp luật đại cương	2	8	
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	7	
					Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	6	
14	Hà Hoàng	Mỹ	K24C	401250154	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)	2	7	
					Pháp luật đại cương	2	7.4	
15	Mai Thị Như	Ngọc	K24D	401250184	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	CC	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	8.1	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	7.2	
					Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)	2	9.1	
					Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông)	2	7.2	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa/ lớp	MSSV	Được công nhận và chuyển đổi tín chỉ HP	Số TC	Điểm học phần	Ghi chú
16	Trương Yến Nhi	06/07/2003	K24C	401250215	Pháp luật đại cương	2	7.6	
					Tâm lý học đại cương	2	8.3	
					Giáo dục học đại cương	2	6.9	
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	6.9	
					Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	8.1	
					Tiếng việt thực hành	2	8.6	
					Tiếng Anh 1	3	8.3	
					Tiếng Anh 2	2	9.3	
					Tiếng Anh 3	2	8.1	
					Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	8.6	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	7.8	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	5.8	
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	5.2	
					Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	4.8	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa/ lớp	MSSV	Được công nhận và chuyển đổi tín chỉ HP	Số TC	Điểm học phần	Ghi chú
17	Đỗ Thị Diễm	20/11/2002	K24C	401250037	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)	2	7.3	
					Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông)	2	8.2	
					Pháp luật đại cương	2	6.3	
					Tâm lý học đại cương	2	7	
					Giáo dục học đại cương	2	5.7	
					Tiếng việt thực hành	2	6.4	
					Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	5.1	
					Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật trong trường MN	2	8	
18	Đỗ Thanh Xuân	15/09/2001	K24C	401250408	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)	2	8.7	
					Pháp luật đại cương	2	7.7	
					Tiếng Anh 1, 2	5	7.9	
19	Nguyễn Minh Châu	14/07/1999	K24	401250028	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	CC	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1,2	5	6.1	
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	6.2	
					Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	7.3	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa/ lớp	MSSV	Được công nhận và chuyển đổi tín chỉ HP	Số TC	Điểm học phần	Ghi chú
20	Lê Nguyễn Kim Sang	28/05/2000	K24B	401250264	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	CC	
					Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)	2	7.4	
					Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông)	2	8.3	
					Pháp luật đại cương	2	5.9	
					Tâm lý học đại cương	2	6.5	
21	Nguyễn Đức Thiên Duyên	17/04/1992	K24	401250050	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	8	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	7	
					Tiếng Anh 1	3	9	
					Tiếng Anh 2	2	7	
					Pháp luật đại cương	3	8	
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	6	
					Phương Pháp nghiên cứu khoa học	2	6	
					Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	7	
22	Nguyễn Ngọc Tuyết Nhân	12/10/2006	23A	401240094	Tiếng Anh 1, 2, 3	7	10	
23	Lê Trần Khánh Vy	26/06/2000	23C	401240187	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	10	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa/ lớp	MSSV	Được công nhận và chuyển đổi tín chỉ HP	Số TC	Điểm học phần	Ghi chú
24	Trần Hồng Ngọc	07/02/2000	23A	401240089	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	10	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	7.4	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	7	
					Đường lối cách mạng của ĐCSVN	2	8.5	
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	7.5	
					Tiếng Anh 1	3	7.9	
					Tiếng Anh 2	2	7.5	
					Tiếng Anh 3	2	8.4	
					Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)	2	7.2	
					Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông)	2	8.7	
					Pháp luật đại cương	2	7.5	
					Môi trường và con người	2	8	
					Tâm lý học đại cương	2	10	Ngành Tâm lý
25	Lê Trần Khánh Vy	26/06/2000	23C	401240187	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	CC	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa/ lớp	MSSV	Được công nhận và chuyển đổi tín chỉ HP	Số TC	Điểm học phần	Ghi chú
26	Phạm Thị Thanh Nguyên	20/10/1985	23C	401240092	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	CC	
27	Văng Thị Thảo Trinh	22/11/2000	23B	401240167	Tiếng Anh 1, 2, 3	7	10	
28	Phạm Thị Thi Phương	03/11/2002	24B	401250249	Pháp luật đại cương	2	6.8	
					Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)	2	7	
					Tiếng Anh 1	3	6.4	
					Tiếng Anh 2	2	8.1	
					Tiếng Anh 3	2	6.3	
29	Nguyễn Triều My	24/09/2002	K24B	401250150	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)	2	8.4	
					Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông)	2	7.9	
					Pháp luật đại cương	2	6.4	
					Môi trường và con người	2	7.4	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	3	6.2	
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	8	
					Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	10	
					Tiếng Anh 1	3	9.4	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa/ lớp	MSSV	Được công nhận và chuyển đổi tín chỉ HP	Số TC	Điểm học phần	Ghi chú
30	Phạm Thị Kim Chi	05/04/2001	K24A	401250053	Tiếng Anh 2	2	7.8	
					Tiếng Anh 3	2	8.9	
					Pháp luật đại cương	2	9	

Danh sách gồm 30 sinh viên./.

